TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **15**/2018/HSST
Ngày 26/4/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP -TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Lài,
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Lê Vinh Hương.
Bà Nguyễn Thị Hường.

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hà, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Quỳ hợp, tỉnh Nghệ an.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lữ Văn T, tên gọi khác: Không.
Sinh ngày 28 tháng 7 năm 1995 tại huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.
Nơi cư trú: Xóm C, xã Ch. L, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam
Con ông Lữ Văn V. và bà Vi Thị H.
Vợ, con: Chưa.
Tiền án: Không.
Nhân thân: Ngày 04/5/2013 bị Toà án nhân dân huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Trộm cắp tài sản".
Tiền sự: Tháng 2/2017 bị Công an huyện Quỳ Hợp xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cưỡng ép người khác kết hôn".
Tạm giữ, tạm giam: Ngày 22 tháng 1 năm 2018 đến nay.
(Có mặt)

Người bị hại: Anh Trương Văn H, sinh năm 1968.
Nơi cư trú: Xóm T, xã T. H, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 22/1/2018, Lữ Văn T. đi bộ một mình trên Quốc lộ 48C theo hướng xã T. H. đi xã Ngh. X. của huyện Quỳ Hợp. Khi đi qua đoạn đường trước nhà anh Trương Văn H. (xóm T, xã T. H, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An), phát hiện chiếc xe máy hiệu TENDER biển kiểm soát 37X6-6549 dựng bên lề đường, trước nhà anh H, trên xe có cắm sẵn chìa khoá điện, quan sát thấy anh H. cùng một số thợ xây nhà không để ý, T. tiến lại gần, ngồi lên xe bật khoá điện để nổ nhưng xe không nổ được. T. đạp cần đề thì xe nổ máy. T. điều khiển xe theo hướng đi thị trấn Quỳ Hợp, huyện Quỳ Hợp.

Anh H. nghe tiếng xe máy nổ, nhìn ra thấy T. đang điều khiển xe máy của mình nên anh H. hô hoán mọi người xung quanh đuổi theo T. Khi T. điều khiển xe máy đến địa phận xóm Th. S, xã Th. H, huyện Quỳ Hợp thì bị anh Nguyễn Nhân H1. và anh Trương Văn H2. cùng một số người dân bắt giữ.

Bản Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 25/1/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳ Hợp xác định: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu TENDER, BKS 37X6-6549, số khung 1UM7XL 05655, số máy P52FMH005655, sơn màu đỏ đen, xe đã qua sử dụng có giá trị là 3.000.000đ.

Quá trình điều tra, xác định chiếc xe máy mà Lữ Văn T. trộm cắp là xe thuộc quyền sở hữu của anh Trương Văn H, sinh năm 1968, trú tại xóm T, xã T. H, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An. Hiện xe đã được Cơ quan điều tra giao trả cho anh H, đồng thời anh H. không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSQH ngày 15/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp - tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Lữ Văn T. về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt Lữ Văn T. từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳ Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập được tại hồ sơ vụ án, xác định được:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 22/1/2018, tại đoạn đường trước nhà anh Trương Văn H. (thuộc địa phận xóm T, xã T. H, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An), Lữ Văn T. đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy hiệu TENDER sơn màu đỏ đen, BKS 37X6-6549 có trị giá 3.000.000đ, xe thuộc quyền sở hữu của anh Trương Văn H.

Hành vi trên đây của Lữ Văn T. đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm quy định tại điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Lữ Văn T. là đối tượng có nhân thân xấu (năm 2013 đã từng bị Toà án xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội "Trộm cắp tài sản"; đang có tiền sự về hành vi "Cưỡng ép người khác kết hôn", song bị cáo vẫn không có ý thức cải tạo, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hết sức táo bạo, liều lĩnh. Căn cứ vào trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được, cần xét xử bị cáo mức án nghiêm theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc xe máy mà Lữ Văn T. trộm cắp hiện đã được Cơ quan điều tra thu hồi giao trả cho người bị hại, nay người bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lữ Văn T. phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự 2015:

Xử phạt Lữ Văn T. **12** (mười hai) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ (ngày 22 tháng 1 năm 2018).

2**. Án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội:

Buộc Lữ Văn T. phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm **200.000đ**.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- Công an huyện Quỳ Hợp;
- Thi hành án hình sự;
- Thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Bích Lài

Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN[1].....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số:...../.....[2]/HS-ST	
Ngày.....-.....-.....[3]	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....[4]

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[5]
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....
Thẩm phán: Ông (Bà) .....
Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):
Ông (Bà).....
Ông (Bà).....
Ông (Bà).....
- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)……[6]

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân[7].....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....[8] tại……[9] xét xử sơ thẩm công khai[10] vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:…/…/TLST-HS

ngày…tháng…năm…theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:…/…/QĐXXST-HS ngày…tháng…năm… đối với bị cáo (các bị cáo):

[11] .....sinh ngày.....tháng..... năm.....tại..... Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân tộc:…….; giới tính:……..; tôn giáo:……..; quốc tịch:…….; con ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; [12]tiền án.....,tiền sự.....; nhân thân……; bị bắt, tạm giam ngày[13].....

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo*:[14]

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề nghiệp..... là[15].....

- *Người bào chữa cho bị cáo*:[16] ....

……..

- *Bị hại*:[17] .....

……..

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại*:[18] .....

……..

- *Nguyên đơn dân sự*:[19].....

……..

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự*:[20] .....

……..

- *Bị đơn dân sự*:[21] .....

……..

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự*:[22].....

……..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:[23] .....

……..

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:[24] ....

……..

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân sự,.....)*:[25]……...

……..

- *Người tham gia tố tụng khác*:[26]……

……..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:[27]

……

.....

……

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: [28]

[1]……
……..

[2]……..
…….

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào[29]……
……...

[30] ....
....

[31] .....
……...

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân

thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)